

SSE-2

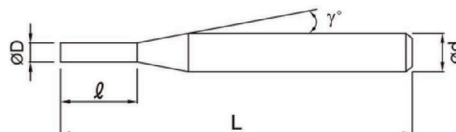
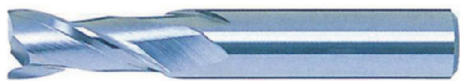


Dao phay mặt phẳng

2-Flute End Mills



* Các mũi phay này được thiết kế tiêu chuẩn với lưỡi cắt tay phải và rãnh xoắn tay phải.
 * Được thiết kế cho các thao tác phay rãnh, khoan, khoét túi và các ứng dụng đa dụng khác.



Units: mm/VND

OD (D)	LOC (ℓ)	SD (d)	OAL (L)	SSE-2 Retail Price	SSE-2G / TiN Retail Price	SSE-2X / TiCN Retail Price
1	2.5	6	55	-	-	-
1.5	4	6	55	-	-	-
2	6	6	55	-	-	-
2.5	7	6	55	-	-	-
3	10	6	55	-	-	-
3.5	12	8	60	-	-	-
4	12	8	60	-	-	-
4.5	15	8	65	-	-	-
5	15	8	65	-	-	-
5.5	15	8	65	-	-	-
6	15	8	65	-	-	-
6.5	20	10	75	-	-	-
7	20	10	75	-	-	-
7.5	20	10	75	-	-	-
8	20	10	75	-	-	-
8.5	25	10	80	-	-	-
9	25	10	80	-	-	-
9.5	25	10	80	-	-	-
10	25	10	80	-	-	-
10.5	30	12	90	-	-	-
11	30	12	90	-	-	-
11.5	30	12	90	-	-	-
12	30	12	90	-	-	-
13	35	12	95	-	-	-
14	35	16	100	-	-	-
15	40	16	105	-	-	-
16	40	16	105	-	-	-
17	40	16	105	-	-	-
18	40	16	105	-	-	-
19	45	20	115	-	-	-
20	45	20	115	-	-	-
21	45	20	115	-	-	-
22	45	20	115	-	-	-
23	50	25	125	-	-	-

Mức Lực Index

Mũi Taro Taps

Mũi Khoan Drills

Dao Dũa Reamers

Dao Phay SUPER Coating

Dao Phay SUPER PRO

Dao Phay HSSCo8

Dao Phay Diamond Coating

Phụ lục Appendix

SSE-2



Dao phay mặt phẳng

2-Flute End Mills

Units: mm/VND

OD (D)	LOC (ℓ)	SD (d)	OAL (L)	SSE-2 Retail Price	SSE-2G / TiN Retail Price	SSE-2X / TiCN Retail Price
24	50	25	125	-	-	-
25	50	25	125	-	-	-
26	50	25	125	-	-	-
27	55	25	125	-	-	-
28	55	25	125	-	-	-
29	55	25	125	-	-	-
30	55	25	125	-	-	-
31	60	32	145	-	-	-
32	60	32	145	-	-	-
33	60	32	145	-	-	-
34	60	32	145	-	-	-
35	60	32	145	-	-	-
36	65	32	150	-	-	-
37	65	32	150	-	-	-
38	65	32	150	-	-	-
39	65	32	150	-	-	-
40	65	32	150	-	-	-
42	70	42	160	-	-	-
45	70	42	160	-	-	-
46	75	42	160	-	-	-
48	75	42	165	-	-	-
50	75	42	165	-	-	-

SSE-2

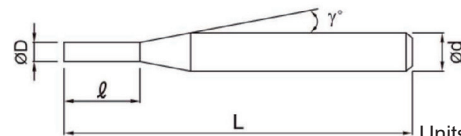


Dao phay mặt phẳng

2-Flute End Mills



- * Các mũi phay này được thiết kế tiêu chuẩn với lưới cắt tay phải và rãnh xoắn tay phải.
- * Được thiết kế cho các thao tác phay rãnh, khoan, khoét túi và các ứng dụng đa dụng khác.



Units: mm/VND

OD (D)	LOC (ℓ)	SD (d)	OAL (L)	SSE-2 Retail Price	SSE-2G / TiN Retail Price	SSE-2X / TiCN Retail Price
4	12	6	55	-	-	-
5	15	6	60	-	-	-
6	15	6	60	-	-	-
7	20	8	70	-	-	-
8	20	8	70	-	-	-
14	35	12	95	-	-	-